

Văn 10 – Tuần 4,5

Tiết 11: Đọc văn

TRUYỆN AN DƯƠNG VƯƠNG VÀ MỊ CHÂU, TRỌNG THỦY

(Truyện thuyết)

I. Giới thiệu chung:

1. Thể loại: Truyện thuyết

- Định nghĩa: Là truyện kể dân gian về sự kiện có ảnh hưởng lớn lao đến lịch sử dân tộc.

- Đặc trưng: có sự kết hợp

+ Yếu tố lịch sử

+ Yếu tố hư cấu

- Giá trị, ý nghĩa:

+ Phản ánh những vấn đề nổi bật của lịch sử dân tộc

+ Phản ánh theo quan điểm, tư tưởng tình cảm của nhân dân.

- Môi trường diễn xướng:

+ Tại các địa danh có liên quan

+ Trong các dịp sinh hoạt văn hoá (lễ hội)

-> Muốn hiểu rõ tác phẩm phải đặt nó trong mối quan hệ giữa lịch sử và đời sống

2. Di tích lịch sử Thành Cổ Loa

- Vị trí: Khu di tích Cổ Loa rộng 500ha, nằm trên địa phận 3 xã Cổ Loa, Dục Tú và Việt Hùng thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội.

- Quy mô: Thành Cổ Loa là toà thành cổ nhất, quy mô và có cấu trúc lớn nhất trong số thành cổ ở nước ta. (Theo dân gian truyền lại, Cổ Loa có 9 vòng thành xoáy tròn ốc, nhưng do chiến tranh và sự phá huỷ của thời gian, Cổ Loa hiện tại chỉ còn 3 vòng thành. Cổ Loa là một khu du lịch nổi tiếng

với những công trình độc đáo như giếng Ngọc, đình Cổ Loa, đền thờ An Dương Vương, am Mị Châu...)

- Lễ hội vào ngày mùng 6 tháng giêng (âm lịch).

- Thành Cổ Loa không những là nơi để tham quan, mà còn là nơi để tưởng nhớ về những anh hùng của dân tộc

3. Truyện thuyết An Dương Vương và Mị Châu- Trọng Thủy:

a. Các bản kể: 3 bản kể:

+ *Truyện Rùa Vàng*- trong *Lĩnh Nam chích quái* (Những chuyện quái dị ở đất Lĩnh Nam) do Vũ Quỳnh và Kiều Phú sưu tập, biên soạn bằng chữ Hán vào cuối thế kỉ XV, được Đinh Gia Khánh và Nguyễn Ngọc San dịch.

+ *Thục kỉ An Dương Vương*- trong *Thiên Nam ngữ lục*.

+ *Mị châu- Trọng Thủy*- truyện thuyết ở vùng Cổ Loa.

b. Bố cục: 4 đoạn

+ Đoạn 1: từ đầu đến “... bèn xin hòa”: An Dương Vương xây thành, chế nỏ và chiến thắng Triệu Đà.

+ Đoạn 2: tiếp đến “...sẽ có thể cứu nhau được”: Trọng Thủy lấy cắp lẫy nỏ thần.

+ Đoạn 3: “ Trọng Thủy mang lẫy...dẫn vua đi xuống biển”: Triệu Đà lại phát binh xâm lược, An Dương Vương thất bại, chém Mị Châu, theo Rùa Vàng xuống biển.

+ Đoạn 4: còn lại: Kết cục bi thảm của Trọng Thủy, hình ảnh ngọc trai- nước giếng.

II. Đọc- hiểu

1. Quá trình xây thành, chế nỏ và chiến thắng khi Triệu Đà xâm lược lần thứ nhất

- Quá trình xây thành Cổ Loa

+ Thành đắp đến đâu lại lở đến đó.

+ Lập đàn trai giới, cầu đảo bách thần.

+ Nhờ cụ già mách bảo, sứ Thanh Giang giúp xây thành xong trong nửa tháng.

=>Nhận xét:

./ Quá trình xây thành gian nan, khó nhọc cũng giống như quá trình dựng nước.

./ Sự vất vả, kiên trì của nhà vua trong quá trình dựng nước và giữ nước.

./ Ý thức trách nhiệm của nhà vua trong việc dựng nước và giữ nước.

./ Thái độ của nhân dân: ngưỡng mộ, ngợi ca việc xây thành nên đã sáng tạo các chi tiết thần kì.

- **Chế nỏ** - các chi tiết kì ảo: Rùa vàng giúp ADV xây thành, chế nỏ bảo vệ đất nước.

./ Ý nghĩa:+ Lí tưởng hóa việc xây thành.

+ Thể hiện sự đồng tình ủng hộ của nhân dân đối với công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước của ADV.

+ Nét đẹp của truyền thống Việt Nam: cha ông luôn ngầm giúp đỡ con cháu đời sau trong công cuộc dựng nước và giữ nước.

- **Đánh thắng Triệu Đà:**

+ Nhờ có thành ốc kiên cố

+ Nhờ có nỏ thần lợi hại

+ Nhờ có ý thức đề cao cảnh giác với kẻ thù

-> ADV là vị vua anh minh sáng suốt, có lòng yêu nước sâu sắc.

=> ADV được thần linh giúp đỡ vì đã có ý thức đề cao cảnh giác, lo xây thành, chuẩn bị vũ khí từ khi giặc chưa đến. Tưởng tượng ra sự giúp đỡ của thần linh là cách để nhân dân ca ngợi nhà vua, tự hào về chiến công xây thành, chế nỏ, chiến thắng ngoại xâm của dân tộc

-> Nghệ thuật: Kể với giọng tự nhiên, các chi tiết được sắp xếp logic, có sự xen lẫn yếu tố hoang đường với yếu tố hiện thực.

2. Bi kịch nước mất, nhà tan và bi kịch tình yêu tan vỡ

a. Bi kịch nước mất nhà tan:

* Nguyên nhân:

- Do ADV:

+ Nhận lời cầu hòa của Triệu Đà

+ Nhận lời cầu hôn và cho con trai Trọng Thủy của Triệu Đà ở rể ngay trong thành

+ Trọng Thủy tráo lấy thần, nỏ thần mất công hiệu mà ADV không biết

+ Cho Trọng Thủy về thăm cha mà không nghi vấn

-> ADV mơ hồ về bản chất ngoan cố và âm mưu thâm độc của kẻ thù.

+ Quân Đà đã tiến sát thành, ADV vẫn ung dung ngồi chơi cờ, ý thế có nỏ thần, không lo lắng tìm kế đánh giặc

- Do Mị Châu:

+ Tin Trọng Thủy cho Trọng Thủy xem nỏ thần, Trọng Thủy tráo lấy thần mà không biết

+ Mị Châu chưa ý thức được đầy đủ vị thế một công chúa, về bí mật quốc gia.

* Kết quả:

- ADV mất nước, chém đầu con gái, cầm sừng tê 7 tác đi sâu vào lòng biển.

- MC chết dưới lưỡi gươm của cha trong tâm trạng đau khổ đần vật.

-> Như vậy nguyên nhân dẫn đến mất nước nhà tan là do cả 2 cha con ADV và MC đều chủ quan, mất cảnh giác với kẻ thù, không nhận ra dã tâm nham hiểm của kẻ thù. Hậu quả là ADV tự đánh mất mình, không còn là nhà vua anh minh. Còn MC bị trừng trị nghiêm khắc, đích đáng và rất đau đớn.

=> Tóm lại: 1 người có công lớn trong việc dựng nước và giữ nước nhưng do lơ là, thiếu cảnh giác đã để mất nước, nhưng nhân dân Âu Lạc đòi sau

vẫn kính trọng, biết ơn điều này chứng tỏ ADV đã được nhân dân tha thứ, ông vẫn bất tử trong lòng dân chúng.

b. Bi kịch tình yêu tan vỡ:

- **Một mối tình éo le, chứa đầy bi kịch.**

+ Mị Châu tin tưởng chồng nên đã để lộ và làm mất vũ khí linh thiêng của quốc gia dẫn đến mất nước-> Mị Châu phải chết dưới lưỡi gươm của vua cha.

+ Trọng Thủy rất yêu Mị Châu nhưng buộc phải lừa Mị Châu, vì âm mưu chính trị mà Triệu Đà - cha chàng đã giao phó -> chàng đã đẩy vợ mình vào chỗ chết và chàng cũng phải chết bi thảm trong sự dằn vặt, nhưng nhớ Mị Châu.

=> KL: Cả 2 nhân vật đều có cái chết bi thảm. Tình yêu éo le của họ được nảy mầm trên mảnh đất chứa đầy âm mưu và thù hận, họ là những nạn nhân của những âm mưu chiến tranh.

c. Thái độ của nhân dân

- Nhân dân không đồng tình với sự chủ quan, mất cảnh giác của ADV và MC.

- Phê phán hành động vô tình phản quốc của MC, đồng thời rất độ lượng với nàng, hiểu nàng là con gái nhẹ dạ cả tin, ngây thơ nên bị lợi dụng.

- Nhân dân vừa nghiêm khắc, vừa độ lượng, nhân ái đối với các nhân vật trong truyện.

- Nhân dân đã đưa ra bài học lịch sử về việc giữ nước, cùng cách xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa nước với nhà, riêng với chung, cá nhân với cộng đồng. Bi kịch nước mất, nhà tan và bi kịch tình yêu tan vỡ

2. Nhân vật Mị Châu:

- **Hành động:**

+ Lén đưa cho Trọng Thủy xem nỏ thần: thuận theo tình cảm vợ chồng mà bỏ quên nghĩa vụ với đất nước. Bởi: Nỏ thần thuộc về tài sản quốc gia, là bí mật quân sự -> vi phạm vào nguyên tắc của bề tôi với vua cha và đất nước.

+ Mất cảnh giác trước những lời chia tay đầy ẩn ý của Trọng Thủy → Không hiểu được những ẩn ý trong lời từ biệt của Trọng Thủy: chiến tranh sẽ xảy ra.

+ Đánh dấu lông ngỗng, chỉ đường cho TT tìm theo: chỉ nghĩ đến hạnh phúc cá nhân, mù quáng vì yêu.

=> Nhận xét:

+ Mị Châu cả tin, ngây thơ đến mức khờ khạo
+ Có phần đáng thương, đáng cảm thông: Những sai lầm, tội lỗi đều xuất phát từ sự vô tình, tính ngây thơ, nhẹ dạ, cả tin đến mức mù quáng, đặt tình cảm lên trên lí trí, thực sự bị “*người lừa dối*”.

- **Các chi tiết hư cấu:**+ máu Mị Châu→ ngọc trai.
+ xác Mị Châu→ ngọc thạch.

→ Sự an ủi, chứng thực cho lời khấn nguyện của Mị Châu trước khi bị cha chém.

- **Bài học:**

+ Cần đặt cái chung lên trên cái riêng, đặt lợi ích của quốc gia, dân tộc lên trên quyền lợi của cá nhân, gia đình.

+ Biết cảm xúc bằng lí trí, suy nghĩ bằng trái tim- giải quyết mối quan hệ giữa lí trí và tình cảm đúng mực.

3. Nhân vật Trọng Thủy:

- Cuộc hôn nhân giữa Trọng Thủy- Mị Châu là một cuộc hôn nhân mang mục đích chính trị: Triệu Đà giả cầu hoà, cầu thân để điều tra bí mật quân sự, đánh cắp lấy nỏ thần → Trọng Thủy đóng vai trò của một tên gián điệp.

- Thời kì đầu → Trọng Thủy đơn thuần đóng vai trò của một tên gián điệp theo lệnh vua cha sang làm rể

An Dương Vương để điều tra bí mật quân sự, tìm cơ hội đánh tráo lấy nỏ thần.

- Thời gian ở Loa Thành→ y ko quên nhiệm vụ gián điệp → lợi dụng, lừa gạt được Mị Châu, thực hiện được mục đích.

- Có thể trong thời gian chung sống, Trọng Thủy đã nảy sinh tình cảm thực sự với Mị Châu → để lộ những sơ hở trong lời tiễn biệt → ngầm báo trước một cuộc chiến tranh khó tránh khỏi và bộc lộ tình cảm có phần chân thành với Mị Châu. Nhưng y vẫn trở về, hoàn thành bổn phận với Triệu Đà.

- Khi đuổi kịp cha con An Dương Vương, Mị Châu đã chết → Trọng Thủy ôm xác vợ khóc lóc, thương nhớ rồi tự tử.

- Cái chết của y cho thấy sự bết tắc, ân hận muộn màng.

→ Nhận xét:

+ Trọng Thủy là nhân vật truyền thuyết với mâu thuẫn phức tạp: nghĩa vụ >< tình cảm, thủ phạm >< nạn nhân.

+ Là một tên gián điệp đội nót con rêu-kẻ thù của nhân dân Âu Lạc (thủ phạm).

+ Là nạn nhân của chính người cha để đầy tham vọng xấu xa.

- Chi tiết ngọc trai- giếng nước:
- + Không khẳng định tình yêu chung thủy của Trọng Thủy- Mị Châu.
- + Minh oan, chiêu tuyết cho Mị Châu.
- + Chứng nhận cho mong muốn hóa giải tội lỗi của Trọng Thủy, có thể y đã tìm được sự hóa giải trong tình cảm của Mị Châu nơi thế giới bên kia...
- + Cho thấy lòng nhân hậu, bao dung của nhân dân ta.

III. Tổng kết bài học:

1. Giá trị nội dung:

- Truyền thuyết An Dương Vương và Mị Châu là một cách giải thích nguyên nhân việc mất nước Âu Lạc.
- Nó còn đem lại những bài học quý: bài học về tinh thần cảnh giác với kẻ thù; cách xử lí đúng đắn mối quan hệ giữa cái riêng- cái chung, giữa nhà- nước, giữa cá nhân- cộng đồng, giữa tình cảm- lí trí.

2. Giá trị nghệ thuật:

- + Có sự hoà quyện giữa yếu tố lịch sử- yếu tố thần kì
- + Gắn với các di tích vật chất, di tích lịch sử, lễ hội.

LẬP DÀN Ý BÀI VĂN TỰ SỰ

I. Hình thành ý tưởng, dự kiến cốt truyện:

Đọc văn bản và trả lời câu hỏi trong SGK/44,45

1. Nguyên Ngọc nói về quá trình tìm ý, chuẩn bị sáng tác truyện ngắn “ Rừng xà nu”
 - Viết về cuộc khởi nghĩa của anh Đê
 - Chọn tên nhân vật chính.
 - Hình dung sự bắt đầu và kết thúc như thế nào ?
 - Những chi tiết khác, các nhân vật khác
2. Qua lời kể có thể rút ra những điều cần học tập:
 - Để chuẩn bị viết bài văn tự sự cần hình thành ý tưởng và dự kiến cốt truyện
 - Tiếp theo là bước lập dàn ý gồm: mở bài, thân bài, kết bài

II. Lập dàn ý:

- + Kết hợp bi- hùng, xây dựng được những hình ảnh giàu chất tư tưởng- thẩm mỹ, có sống lâu bền.
- + Thời gian nghệ thuật: quá khứ- xác định.
- + Kết cấu: trực tuyến- theo trật tự thời gian.
 - Gợi ý làm bài 1 trang 45
 - Mở bài: Sau khi chạy khỏi nhà quan cụ, chị Dậu gặp một cán bộ cách mạng
 - Thân bài:
 - + Cuộc cách mạng tháng Tám nổ ra, chị Dậu trở về làng
 - + Khí thế cách mạng sục sôi, chị Dậu dẫn đầu biểu tình lên huyện cướp chính quyền, phá kho thóc Nhật.
 - Kết bài: Chị Dậu và bà con xóm làng mừng ngày tổng khởi nghĩa thành công.
 - Cách lập dàn ý:

- Trước khi lập dàn ý, cần suy nghĩ chọn đề tài, xác định chủ đề của bài viết.
- Từ đề tài, chủ đề tưởng tượng ra những nét chính của cốt truyện.
- Tiếp đó là 3 phần của một dàn ý:
 - + Mở bài có thể gọi là phần trình bày. (Giới thiệu câu chuyện)
 - + Thân bài: ...khai đoạn, phát triển, đỉnh điểm. (Nêu những sự việc, chi tiết chính theo diễn biến câu chuyện)
 - + Kết bài: ...kết thúc (Nêu cảm nghĩ của nhân vật hoặc một chi tiết đặc sắc, ý nghĩa.
- Ghi nhớ : SGK/46

Các em về nhà làm phần luyện tập trang 46

Tiết 20,21: Đọc văn

UY-LÍT-XƠ TRỞ VỀ (t1) **(Trích sử thi Ô-đi-xê - HÔ-ME-RO)**

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả

- Sống vào khoảng thế kỷ IX-VIII trước CN
- Xuất thân trong một gia đình nghèo ở ven bờ Tiểu Á, được sinh ra bên dòng sông Mê – lét.
- Là một nghệ sĩ mù thông thái, thường đi qua nhiều bang để kể về truyện thơ của mình, và được coi là cha đẻ của thơ ca Hi Lạp.

2. Sử thi “Ô – đì – xê”

- Nguyên gốc: Cũng giống như sử thi “I – li – át”, sử thi “Ô – đì – xê” là tác phẩm được khai tác từ truyền thuyết về cuộc chiến tranh thành Tơ – roa.
- Chủ đề: Khát vọng chinh phục thiên nhiên để khai sáng, mở rộng giao lưu; tái hiện xung đột giữa các nền văn minh, các trình độ văn hóa; là cuộc đấu tranh bảo vệ hạnh phúc gia đình.
- Tóm tắt tác phẩm: (sgk)

3. Đoạn trích “Uy – lít – xơ trở về”

- Thuộc khúc ca thứ XXIII của sử thi “Ô – đì – xê”.
- Bố cục: 2 đoạn
 - + Đoạn 1: Từ đầu.... “kém gan dạ”
- > Tâm trạng của Pênelốp khi nghe tin chồng trở về, và khi gặp chồng.
 - + Đoạn 2: Phần còn lại
- > Thử thách và sum họp của hai người.

II- Đọc - hiểu:

1. Tâm trạng của nàng Pê - nê - lốp khi nghe tin chồng trở về:

- a. Hoàn cảnh của nàng: Xa chồng, chờ đợi chồng 20 năm..., phải chống chọi với 108 kẻ cầu hôn, cha mẹ giục tái giá, xa Uylítxơ lâu ngày khiến nàng tuyệt vọng → phải kiên trì, vững vàng nàng mới vượt qua được hoàn cảnh ấy.
- b. Tâm trạng Pênelốp khi nữ mẫu báo tin chồng trở về và trừng trị bọn cầu hôn:
 - “Già ơi ... nhưng câu chuyện già kể không hoàn toàn đúng sự thực”

- > suy tư, thận trọng, tinh táo, không vội vàng hấp tấp
- “Đây là một vị thần đã giết bọn cầu hôn danh tiếng, một vị thần bất bình vì sự láo xược bất kham và những hành động nhuốc nhơ của chúng”
- > không cương quyết bác bỏ mà chuyển sang thần bí hóa câu chuyện (sự lí giải của lí trí để trấn an nhũ mẫu, cũng là để tự trấn an mình).
- “Còn về phần Uy-lít-xơ ... chính chàng cũng đã chết rồi.”
- > hoài nghi và tự trấn an mình: chồng nàng đã chết
- Khi nhũ mẫu đưa bằng chứng thuyết phục: vết sẹo ở chân: “Dù già có sáng suốt đến đâu, già cũng không sao hiểu thấu những ý định huyền bí của thần linh bất tử”
- > lời thề của người nhũ mẫu vẫn không lay chuyển được sự nghi ngờ
- => Tâm trạng mâu thuẫn: vừa hi vọng, vừa sợ thất vọng.

c. Khi gặp người hành khất (Uy - lít – xơ):

- “Lòng nàng rất đổi phân vân”, “ không biết nên đứng xa hay lại gần ôm lấy đầu, cầm lấy tay người mà hôn”
- > phân vân, lung túng trong ứng xử
- “Ngồi lặng thinh, khi đăm đăm âu yếm nhìn chồng, khi lại không nhận ra chồng dưới bộ quần áo rách mướp”
- > tình cảm và lí trí có sự đối lập nhau.
- Trước lời trách cứ của con:
 - + Phân vân cao độ và xúc động “lòng mẹ kinh ngạc quá chừng...”
 - + Sáng suốt, thông minh gửi thông điệp thử thách một cách kín đáo với chồng qua đối thoại với con trai “Nếu quả thật đây là Uylisơ thì thế nào cha mẹ cũng nhận ra nhau” -> con người thận trọng, biết kìm nén tình cảm

Tóm lại: Pênêlôplà người phụ nữ khôn ngoan, sắc sảo.

2. Thử thách và sum họp

a. Thử thách:

- Người đưa ra lời thử thách: Pê-nê-lốp:
 - Sai nhũ mẫu khiêng chiếc giường kiên cố ra khỏi phòng
 - > lời thử thách, buộc Uylisơ phải lên tiếng.
- Người chấp nhận thử thách: Uylisơ
 - + Khi nghe lời thử thách:
 - “Uy – lít- xơ cao quý và nhẫn nại mỉm cười”
 - > đồng tình, chấp nhận và tự tin vào trí tuệ của mình.
 - + Nói với con trai: “Tê – lê – mac con, đừng làm rầy mẹ, thế nào cha con và mẹ cũng sẽ nhận ra được nhau, chắc chắn như vậy”
 - > bình tĩnh, nhẫn nại và khôn khéo (thực chất là nói với vợ).
 - + “Nhưng về phần cha con ta, cha con ta ... cha khuyên con nên suy nghĩ”
 - > khôn ngoan, sáng suốt khi tìm cách đối phó trước cái chết của bọn cầu hôn.
 - + Nói với vợ: “Hẳn là các vị thần trên núi Ô-lem-pơ đã ban cho nàng một trái tim sắt đá ... như vậy”
 - > trách cứ vợ và thanh minh về sự chng thủy của mình suốt 20 năm qua.
- Sự thử thách:

+ Uy – lít – xơ : nhờ nhủ mẫu khiêng cho mình một chiếc giường: “Già ơi, già hãy kê cho tôi một chiếc giường để tôi ngủ một mình như bấy lâu nay”

-> gợi ý vợ nói lên điều thử thách.

+ Pê – nê – lớp: sai nhủ mẫu khiêng chiếc giường kiên cố ra khỏi gian phòng: “Già hãy sai người khiêng chiếc giường kiên cố ra khỏi gian phòng do chính tay Uy- lít – xơ xây nên”

-> trực tiếp đưa ra lời thử thách.

+ Uy – lít – xơ : giật mình và miêu tả chi tiết, tỉ mỉ chiếc giường đầy bí mật

-> Mục đích:

+ Nói lên bí mật, một trong bốn chân giường là một gốc cây nên không thể xô dịch được

+ Gợi nhắc lại tình yêu, tình vợ chồng chung thủy 20 năm qua

=> Uy – lít – xơ thông minh, trí tuệ nên nhanh chóng giải mã được lời thử thách.

b. Sự sum họp:

- “Pê – nê – lớp bủn rủn cả chân tay”, “chạy lại nước mắt chan hoà , ôm lấy cổ chồng, hôn lên trán chồng”,

-> cảm động, hạnh phúc tột cùng.

- Bày tỏ lí do mà nàng tỏ ra thận trọng: “Thiếp luôn luôn lo sợ có người đến đây dung lời đường mật để đánh lừa vì trên đời chẳng thiếu gì người tai ác”

-> minh chứng cho tấm lòng trong sạch, thủy chung của mình.

- Uy – lít – xơ: “Ôm lấy người vợ siết bao chung thủy của mình mà khóc dầm dề”

=> tình cảm chan chứa yêu thương dành cho vợ

Tóm lại: Cảnh vợ chồng đoàn tụ sau 20 năm xa cách thật xúc động, qua đó thấy được vẻ đẹp của tấm lòng thủy chung son sắt, trí tuệ và lòng dũng cảm của hai người Uy - lít - xơ và Pê - nê - lớp. Đồng thời qua đó ta cũng thấy Uy - lít - xơ là 1 người chồng , người cha , cao quý, luôn bình tĩnh, nhẫn nại, hết lòng vì vợ con. Pê - nê - lớp là hình ảnh người phụ nữ Hilạp cổ đại thông minh, nghị lực, thận trọng và khôn ngoan, chung thủy trong việc giữ gìn và bảo vệ phẩm giá của mình và hạnh phúc gia đình.

III. Tổng kết

1. Nội dung

- Qua đoạn trích, tác phẩm đã khắc họa vẻ đẹp tâm hồn và trí tuệ của Uy – lít – xơ và Pê – nê – lớp.

2. Nghệ thuật

- Miêu tả tâm lí nhân vật đơn giản nhưng bộc lộ chiều sâu (chỉ thông qua cử chỉ, thái độ, dáng điệu)

- Lối miêu tả chi tiết, cụ thể (chiếc giường)

- Lối so sánh có đuôi dài sinh động, giàu hình ảnh: “... dịu hiền...mong đợi”

Hiệu quả: người đọc hình dung được nỗi vui sướng tột cùng của hai người.

- Cách kể chuyện chậm rãi cùng ngôn ngữ trang trọng tạo “sự trì hoãn sử thi”.

+ Giàu tình yêu thương